



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In D2105

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt
Học Kỳ 3 - Năm Học 07-08
Điểm thi học kỳ

Danh số học (02603)

Trang 1									
STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú	
1	07119003	PHAN THI	HUY	DH07TY	L	6	Sau	[Signature]	

Công nhận:

TP.HCM, Ngày 06 tháng 06 năm 2008
Cán bộ chấm thi

CB1: [Signature] Thanh Thảo

CB2: [Signature] Nguyễn Tấn Đạt

[Signature]

Giám Kim Hoan



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi: Lớp DH07CC (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	BÌNH	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07119009	ĐỖ THANH	BÌNH	18/02/89		Bình	6	Sau
2	07119001	LÊ VĂN	CƯỜNG	30/12/88				
3	07119010	VŨ ĐỨC	CƯỜNG	23/10/89			6	Sau
4	07119011	NGÔ VĂN	DŨNG	20/10/87			6	Sau
5	07119002	NGUYỄN VĂN	DUY	27/11/89			5	Nam
6	07119030	NGUYỄN	ĐỒNG	10/01/88			7	Bảy
7	07119012	DƯƠNG THỊ	HỒNG	06/01/89			7	Bảy
8	07119014	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	HƯNG	23/12/88			6	Sau
9	07119016	NGUYỄN THỊ NGỌC	LÀI	27/03/89			8	Tám
10	07119017	VŨ THỊ NGỌC	LỢI	05/11/89			4	Bốn
11	07119018	NGUYỄN HỒNG	MINH	15/12/89			6	Sau
12	07119019	PHAN TRỌNG	NGHĨA	25/04/89			5	Năm
13	07119020	PHAN VĂN	NHẬT	10/05/88			7	Bảy
14	07119004	VŨ NGUYỄN QUỲNH	OANH	21/02/88			7	Bảy
15	07119021	NGUYỄN THỊ NGỌC	SƯƠNG	27/04/88			6	Sau
16	07119022	LÊ MINH	TÂM	02/09/88			5	Năm
17	07119023	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	18/07/89			5	Năm
18	07119005	NGUYỄN THỊ	THO	10/03/87			8	Tám
19	07119024	NGUYỄN THỊ	THÔM	30/09/88			8	Tám
20	07119025	TRẦN THỊ	THU	26/10/89			7	Bảy
21	07119006	NGUYỄN QUANG	TRUNG	10/10/88			6	Sau
22	07119026	NGUYỄN ANH	TUẤN	02/11/89			4	Bốn
23	07119027	LÊ THANH	TÙNG	02/09/88			8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 22

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Nguyễn Mai*

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

20/6/2008

Nguyễn Kim Hoa

Lê Thị Kim Hoa



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi: Lớp DH07CK (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07118021	TRẦN VĂN CHƯÔNG	20/03/88			7	Bảy
2	07118022	PHẠM VĂN DƯƠNG	06/03/89			7	Bảy
3	07118023	LÊ ANH DƯƠNG	18/01/89			7	Bảy
4	07118002	TRẦN VĂN GIANG	17/05/84			8	Tám
5	07118003	ĐỖ ĐÌNH GIÁP	08/08/87			8	Tám
6	07118004	ĐÀO VINH HIẾN	30/10/88			9	Chín
7	07118005	TRẦN TIẾN HÙNG	01/01/89			9	Chín
8	07118006	PHẠM NGỌC HƯNG	03/01/88			8	Tám
9	07118007	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	✓ 01/09/88	✓		8	Tám
10	07118025	HOÀNG PHÚC LỘC	28/08/88			6	Sáu
11	07118008	BÙI HỮU LỢI	19/06/89			7	Bảy
12	07118009	PHAN VĂN LỢI	08/04/89			5	Năm
13	07118010	NGUY THÁNH LUÂN	08/11/87			7	Bảy
14	07118026	ĐÀM CẢNH MỪNG	07/04/88			5	Năm
15	07118027	NGUYỄN VĂN NGỌC	✓ 28/06/87	✓		8	Tám
16	07118011	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	10/12/89			8	Tám
17	07118012	LÊ THÀNH NHÂN	✓ 26/03/88	✓		8	Tám
18	07118013	LÊ MINH NHẬT	18/09/89			9	Chín
19	07118014	NGUYỄN CHƯÔNG PHÚ	07/08/89			5	Năm
20	07118015	NGUYỄN HOÀI PHÚ	27/04/88			8	Tám
21	07118016	NGUYỄN HỮU PHỤNG	26/02/89			8	Tám
22	07118017	TRẦN VĂN THÁI	13/10/89			7	Bảy
23	07118019	LƯU ĐỨC THẮNG	23/05/88			4	Bốn
24	07118020	NGUYỄN VĂN TOÀN	18/06/85			7	Bảy
25	07118028	NGUYỄN VĂN HOÀNG	07/06/89			8	Tám
26	07150194	BÙI QUỐC TUẤN	08/08/88			6	Sáu
27	07118030	TÔ ĐÌNH VƯỢNG	20/06/87			6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 24 Số bài: 24 Số tờ: 24

Ngày 8 tháng 5 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Lê Nguyễn Mai Anh
Cán bộ coi thi 2 Bùi T T Nga

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

20/6/2008

Lê Thị Kim Hoàn



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07CB (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07115021	TRẦN TUẤN ANH	07/03/89	✓	✓		✓
2	07115022	HỒ THANH BÌNH	17/10/85		Benh	9	vang
3	07115003	HUỲNH HUYNH	20/10/89		anh	7	Chui
4	07115004	LÊ VĂN CƯƠNG	27/10/88		Cuong	6	Bay
5	07115024	NGUYỄN THANH DANH	14/10/89		Danh	6	Sau
6	07115005	NGUYỄN PHÚC DUY	12/02/89		Phuc	6	Sau
7	07115033	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	17/08/87		Duy	6	Sau
8	07115006	DƯƠNG VŨ DIỆP	10/10/87		Diep	8	Tau
9	07115007	HOÀNG VĂN GIANG	16/05/86		Giang	6	Sau
10	07115026	PHAN VŨ MINH HIỀN	02/12/88		Minh	8	Tau
11	07115008	LÊ TRUNG HIẾU	08/06/89		Hieu	6	Sau
12	07115027	TRƯƠNG MINH HIẾU	05/01/89		Hieu	8	Tau
13	07115028	HUỲNH THỊ HOA	02/01/89		Thi Hoa	8	Tau
14	07115009	NGUYỄN TIẾN HÒA	11/03/89		Hoa	6	Sau
15	07115010	NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN	13/08/87		Huyen	6	Sau
16	07115011	ĐINH HOÀI NAM	25/01/87		Nam	6	Sau
17	07115012	NGUYỄN TRƯỜNG NAM	09/04/89		Nam	9	Sau
18	07115029	VŨ ĐẠI NGUYỄN	22/08/87		Da	6	Chui
19	07114035	NGUYỄN NGỌC NHI	03/11/89		Nhi	7	Sau
20	07114039	TRẦN THÁNH PHÚ	03/04/88		Phu	6	Bay
21	07115034	THÁI THỊ HỒNG PHƯƠNG	20/02/89		Phuong	6	Sau
22	07115035	NGUYỄN THỊ HOÀNG QUYÊN	20/01/89		Quyên	6	Sau
23	07115036	LÊ SÁNG	30/01/87		Sang	7	Bay
24	07115013	NGUYỄN THANH SƠN	18/08/89		Son	7	Bay
25	07115014	TRƯƠNG THỊ LÝ TÂM	02/07/89		Ly	6	Sau
26	07117148	ĐỖ LÊ HÀ THANH	13/08/89		Thanh	7	Bay
27	07115037	LÊ HỒNG THƠ	10/10/86		Tho	9	Chui
28	07115016	TRẦN HỮU TÍN	1 / 89		Tin	7	Bay
29	07115038	LÊ HỮU TRUNG	24/12/89		Trung	5	Nam
30	07115017	TRẦN NHẬT TRUNG	08/09/89		Nhat	7	Bay
31	07115018	NGUYỄN QUANG TÙNG	12/12/89		Tung	7	Bay
32	07115019	ĐẶNG DOãn TUYẾN	27/01/86		Doan	5	Nam
33	07115040	HUỲNH MINH TUYẾN	10/07/89		Huyen	6	Sau
34	07115020	NGUYỄN THỊ XUYẾN	20/03/89		Xuyen	7	Bay

Tổng số: 22 sinh viên

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 33 Số bài: 32 Sở từ: _____

Ngày 08 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 [Signature]

Cán bộ coi thi 2 [Signature]

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

20/6/2008
[Signature]
Lê Thị Kim Hoàn



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07NL (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Đ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07137015	HUỖNH THỂ	BẢO	12/07/89		9	Chín
2	07137016	PHAN AN	BÌNH	07/05/89		8	Tám
3	07137017	NGUYỄN NĂNG	CAO	29/05/88		8	Tám
4	07137018	PHẠM TRUNG	CHÁNH	24/05/89		7	Bảy
5	07137019	PHẠM THỊ LAN	CHI	01/10/89		✓	
6	07137001	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	20/11/88		4	Bốn
7	07137020	THÂN ĐÌNH	DUY	30/07/89		6	Sáu
8	07137021	NGUYỄN KHẮC	ĐÁN	13/02/87		7	Bảy
9	07137022	TRẦN CÔNG	ĐẠT	02/01/89		8	Tám
10	07137023	NGUYỄN TRẦN HẢI	ĐĂNG	16/08/88		5	Năm
11	07137002	ĐĂNG VĂN	ĐOÀN	27/10/87		7	Bảy
12	07137026	NGUYỄN VĂN	ĐƯỢC	18/07/89		6	Sáu
13	07137028	HUỖNH NGỌC	HÒA	18/12/89		8	Tám
14	07137004	HÀ THANH	HÙNG	1 / 89		6	Sáu
15	07137032	ĐOÀN TẤN	HUY	01/09/89		7	Bảy
16	07137029	TRẦN CAO	HUY	26/10/88		7	Bảy
17	07137030	TRƯƠNG GIA	HUY	09/09/88		8	Tám
18	07137031	TRƯƠNG QUANG	HUY	27/10/89		10	Mười
19	07137033	VÕ MINH	HƯNG	15/10/89		8	Tám
20	07137035	MAI VĂN	KHANH	19/05/89		7	Bảy
21	07137036	DƯƠNG ĐỨC	LAC	25/03/89		✓	
22	07137037	NGUYỄN TÙNG	LÂM	09/09/89		8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 22

Ngày 08 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1
Nguyễn Văn Cường

Cán bộ coi thi 2
Nguyễn Thanh Phong

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

20/6/2008

Lê Thị Kim Hoan



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07NL (Nhóm Thi) - Tổ 002
Ngày Thi 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07137038	TÔ CÔNG LINH	10/04/88		<i>Lin</i>	6	Sau
2	07137039	DƯƠNG VĂN MẠNH	18/09/86	✓			
3	07137005	HUỲNH NGỌC MỸ	22/03/89		<i>Hylin</i>	8	Tau
4	07137041	LÊ THỊ CHI NA	20/03/89		<i>ThiNa</i>	6	Sau
5	07137006	TRẦN NGỌC PHƯỚC	05/04/89		<i>Phu</i>	6	Sau
6	07137008	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	19/04/87		<i>Ph</i>	8	Tau
7	07137056	LÊ VĂN QUANG	20/03/89	✓			
8	07137044	THẠCH NGỌC SÁNG	10/08/87		<i>NgS</i>	7	Bon
9	07137009	NGUYỄN MINH TÂM	05/06/89		<i>Tam</i>	7	Bay
10	07137045	TRẦN THANH TÂM	04/02/89		<i>Tam</i>	8	Tau
11	07137046	TRẦN VĂN THANH	16/10/88		<i>Thanh</i>	3	Ba
12	07137048	PHẠM THỊ THẮNG	22/09/89	✓			
13	07137049	MAI BÀ THIÊN	04/12/89		<i>Thien</i>	9	Chui
14	07137010	NGUYỄN PHƯỚC THÔNG	1 / 87	✓			
15	07137050	NGUYỄN TRI THỨC	16/02/89	✓			
16	07137011	NGUYỄN THANH TOÀN	23/06/85		<i>Toan</i>	5	Nam
17	07137013	PHẠM THÀNH TRUNG	15/08/89		<i>Pham</i>	4	Bon
18	07137051	NGUYỄN QUANG TÚ	21/02/89		<i>Tu</i>	7	Bay
19	07137053	NGUYỄN SƠN TÙNG	08/01/89		<i>Son</i>	8	Tau
20	07137054	DƯƠNG QUANG VINH	15/09/89		<i>Vinh</i>	6	Sau
21	07137014	LÊ ĐỨC VŨ	14/12/89		<i>DucVu</i>	7	Bay
22	07137055	NGUYỄN NGỌC XUÂN	12/05/89		<i>Xuan</i>	6	Sau

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 17 Số bài: 17 Số tờ: 17

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Ng*
VST. Bach Tugiet

Cán bộ coi thi 2 *Trần Thị Tường Giang*

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

20/6/2008
Quynh
Lê Thị Kim Hoàn



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07TD (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi C200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07138001	PHẠM DUY AN	19/01/89			8	Tam
2	07119008	DƯƠNG NGỌC QUỐC ANH	27/10/89			7	Bảy
3	07138002	TRẦN VỸ ANH	07/05/85			9	Chín
4	07138018	LÊ QUỐC CÁN	15/12/89			8	Tam
5	07138019	NGUYỄN THANH CÁNH	25/10/88			7	Bảy
6	07138003	LÊ HOÀNG CHÂU	26/10/89			6	Sáu
7	07138004	TRẦN CÔNG DANH	06/02/89			7	Bảy
8	07138020	HUỖNH CÔNG DÂN	01/02/89			4	Bốn
9	07138021	LÊ ANH DŨNG	02/09/88			7	Bảy
10	07138022	NGUYỄN ANH DŨNG	06/06/88			6	Sáu
11	07138005	TRƯƠNG VIỆT ĐỨC	28/02/89			8	Tam
12	07138024	PHẠM ĐỨC HIỆP	15/08/89			7	Bảy
13	07138025	NGÔ TRÍ HIẾU	20/03/89			7	Bảy
14	07138026	NGUYỄN TRÍ HIẾU	22/04/89				
15	07138027	NGUYỄN THÁI HOÀNG	26/03/89			5	Năm
16	07138006	NGUYỄN BÁ HÙNG	15/08/84			5	Năm
17	07138031	NGUYỄN QUỐC KHÁI	20/01/89			5	Năm
18	07138030	TRẦN QUANG KHÁI	10/11/88			6	Sáu
19	07138032	NGUYỄN VĂN THÀNH LINH	26/10/87			7	Bảy
20	07138033	NGUYỄN MINH LONG	18/09/88			7	Bảy
21	07138034	LÊ NGỌC MINH LỘC	01/01/89			8	Tam
22	07138035	BÙI VĂN LỢI	03/03/85			6	Sáu
23	07138007	NGUYỄN VIỆT LUÂN	19/06/88			9	Chín
24	07138036	BÙI CÔNG LỰC	26/02/86			5	Năm
25	07138037	KIÊN NGỌC LÝ	20/11/87			6	Sáu
26	07138038	ĐINH VĂN MINH	08/02/89			7	Bảy
27	07138008	LƯƠNG HOÀNG MINH	18/02/89			7	Bảy
28	07138009	TRẦN HOÀI NAM	31/05/89			6	Sáu
29	07138039	NGUYỄN TUẤN NGUYỄN	07/09/89				
30	06138037	CAO VĂN PHONG	1 / 87			6	Sáu
31	07138040	CÙ NHẬT PHÚ	20/11/90			7	Bảy
32	07138042	PHAN ĐỨC QUÝ	13/06/88			7	Bảy
33	07138043	NGUYỄN HOÀNG SANG	30/11/89				
34	07138044	ĐẶNG HỮU SONG	07/03/88			9	Chín
35	07138010	NGUYỄN TRỌNG TÂN	14/02/88			7	Bảy
36	07138048	ĐINH VĂN THÁI	12/10/86			5	Năm

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07TD (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07138047	PHẠM NGỌC THÁI	10/05/88		<i>Phạm Ngọc Thái</i>	7	Bảy
38	07138049	PHẠM ĐẠT	22/10/88		<i>Phạm Đạt</i>	8	Tám
39	07138011	VÕ HUY	26/09/89		<i>Võ Huy</i>	9	Chín
40	07138050	NGUYỄN ĐĂNG THỌ	07/10/88		<i>Nguyễn Đăng Thọ</i>	7	Bảy
41	07138051	VŨ KHOA	27/07/89		<i>Vũ Khoa</i>	7	Bảy
42	07138053	TRẦN THỊ THANH	24/05/89		<i>Trần Thị Thanh</i>	6	Sáu
43	07138054	LÊ VIỆT TIẾN	14/04/89		<i>Lê Việt Tiến</i>	10	Mười
44	07138055	NGUYỄN THỊ HỒNG	09/12/87		<i>Nguyễn Thị Hồng</i>	7	Bảy
45	07138013	LÂM NGUYỄN MINH	09/01/89		<i>Lâm Nguyễn Minh</i>	7	Bảy
46	07138012	NGUYỄN CAO TRÍ	09/01/89		<i>Nguyễn Cao Trí</i>	8	Tám
47	07138056	TRẦN VĂN TRONG	12/11/88		<i>Trần Văn Trong</i>	8	Tám
48	07138057	LÊ XUÂN TRƯỜNG	30/09/88		<i>Lê Xuân Trường</i>	5	Năm
49	07138014	NGUYỄN QUỐC TUẤN	24/08/88		<i>Nguyễn Quốc Tuấn</i>	7	Bảy
50	07138059	TRƯƠNG ĐỨC TUỆ	11/11/88		<i>Trương Đức Tuệ</i>	8	Tám
51	07138060	LÊ THANH TÙNG	20/11/88		<i>Lê Thanh Tùng</i>	7	Bảy
52	07138061	VŨ THANH TÙNG	31/05/86		<i>Vũ Thanh Tùng</i>	6	Sáu
53	07138062	LÝ QUANG VIỄN	09/09/89		<i>Lý Quang Viễn</i>	7	Bảy
54	07138063	NGUYỄN NGỌC VIỆT	20/11/85		<i>Nguyễn Ngọc Việt</i>	5	Năm
55	07138065	TRẦN VĂN VIỆT	20/12/89		<i>Trần Văn Việt</i>	8	Tám
56	07138015	ĐẶNG TIẾN VINH	27/08/89		<i>Đặng Tiến Vinh</i>		
57	07138066	TRẦN THANH VINH	06/08/89		<i>Trần Thanh Vinh</i>	9	Chín
58	07138067	PHẠM ANH VŨ	12/02/88		<i>Phạm Anh Vũ</i>	5	Năm
59	07138068	PHAN TRUNG VŨ	20/05/87		<i>Phan Trung Vũ</i>	7	Bảy
60	07138016	NGUYỄN VŨ XUÂN	08/02/89		<i>Nguyễn Vũ Xuân</i>	8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 5 Số bài: 5 Số tờ: 5

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Phạm Thị Huyền*

Cán bộ coi thi 2 *Đỗ Ngọc Dung*

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

20/6/2008

Lê Thị Kim Hoàn



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07DC (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	AN	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07151039	BUI VĂN	AN	10/11/89		<i>lun</i>	5	Nam
2	07151001	LUU MINH	AN	02/08/89		<i>m</i>	8	Tam
3	07151002	ĐANG THI LAN	ANH	29/12/89		<i>anh</i>	7	Bay
4	07151040	HUYNH NGOC	ANH	13/11/88		<i>anh</i>	7	Bay
5	07151003	TRẦN THỊ BÍCH	CHI	10/01/89		<i>thien</i>	5	Nam
6	07151005	NGÔ THÀNH	CÔNG	25/07/87		<i>Cong</i>	9	Chiu
7	07151041	TRẦN THỊ NGỌC	DUNG	16/09/89		<i>Ngoc</i>	8	Tam
8	07114070	TRINH QUỐC	DUNG	23/03/88		<i>Quoc</i>	6	Sau
9	07151043	LÊ THANH	DUY	25/09/89		<i>Thanh</i>	9	Chiu
10	07151045	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	04/02/88		<i>Thuy</i>	7	Bay
11	07151044	TRẦN NGUYỄN	DƯƠNG	02/10/88		<i>Duong</i>	6	Sau
12	07151007	LÊ THỊ ANH	ĐÀO	12/11/87		<i>Anh</i>	8	Tam
13	07151008	LÊ HẢI	ĐĂNG	16/06/89		<i>Hai</i>	8	Tam
14	07151047	NGUYỄN VĂN	ĐƯỜNG	10/10/80		✓	✓	
15	07151009	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	20/10/88		<i>Ha</i>	7	Bay
16	07151048	TRƯƠNG THỊ	HANH	04/07/89		<i>Truong</i>	8	Tam
17	07151010	LÊ MINH	HIỀN	14/04/87		<i>Minh</i>	8	Tam
18	07151049	TRẦN THỊ TRUNG	HIỀN	10/04/89		<i>Tran</i>	8	Tam
19	07151051	PHẠM THÁI	HOÀNG	30/06/89		<i>Thai</i>	7	Bay
20	07151013	ĐÀO VĂN	HÙNG	21/12/86		<i>Dao</i>	7	Bay
21	07151052	NGÔ ĐỨC	HUY	20/10/89		<i>Ngo</i>	9	Chiu
22	07151014	NGUYỄN TRONG	HUY	29/06/90		<i>Trong</i>	6	Sau
23	07151053	NGUYỄN ĐỨC	HUYNH	15/09/89		<i>Huy</i>	6	Sau
24	07151054	ĐỖ VĂN	HƯƠNG	03/01/88		<i>Do</i>	6	Sau
25	07112105	HUYNH MINH	KHA	25/02/89		<i>Minh</i>	8	Tam
26	07151055	LÊ THỊ	KIEU	20/08/88		<i>Thi</i>	7	Bay
27	07151056	NGUYỄN PHƯỚC	LINH	07/11/89		<i>Phuoc</i>	9	Chiu
28	07151059	LÊ VĂN	LỘC	27/10/85		<i>Lo</i>	8	Tam
29	07151015	VŨ XUÂN	LỘC	19/04/88		<i>Xu</i>	8	Tam
30	07151089	TRẦN HOÀNG	LUÂN	30/07/88		<i>Tran</i>	8	Tam
31	07151016	NGUYỄN THỊ	MAI	20/10/85		<i>Thi</i>	7	Bay
32	07151017	HUYNH THỊ KHÁNH	NGÂN	28/01/88		<i>Kh</i>	8	Tam
33	07151060	NGÔ KIM	NGÂN	07/10/89		<i>Ngo</i>	6	Sau
34	07151018	NGUYỄN CÔNG	NGHĨA	01/01/89		<i>Cong</i>	8	Tam
35	07151061	PHẠM QUANG	NGHĨA	18/11/87		<i>Pham</i>	7	Bay
36	07151062	TRẦN QUÝ	NGỌC	01/06/89		<i>Tran</i>	7	Bay

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07DC (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07151019	ĐỖ CẨM	NHUNG	11/04/89		8	Tam
38	07151020	NGÔ HỒNG	NHUNG	15/10/89		8	Tam
39	07151064	PHẠM TÂN	NHỰT	15/03/89		6	Sau
40	07151065	ĐỖ THỊ	NIỆM	26/08/89		8	Tam
41	07151021	TRƯƠNG THẾ	NU	29/10/88		4	Bón
42	07151088	NGUYỄN LÂM DUY	PHÚC	04/01/89		✓	
43	07151069	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	19/09/87		7	Bay
44	07151022	NGUYỄN ANH	QUÝ	01/10/89		8	Tam
45	07151071	BÙI THANH	SANG	/ /84		6	Sau
46	07151023	NGUYỄN THẠCH	SANG	15/02/89		8	Tam
47	07151024	NGUYỄN DUY	TÂM	19/07/86		8	Tam
48	07151025	NGUYỄN THANH	TÂM	07/11/89		9	Chín
49	07151026	BÙI NGỌC	TÂN	10/12/87		7	Bay
50	07151074	HOÀNG VĂN	THÁI	16/08/86		8	Tam
51	07151075	NGUYỄN VĂN	THÁI	05/09/89		✓	
52	07151076	VÕ VĂN	THANH	22/10/85		8	Tam
53	07151027	NGUYỄN THỊ	THẢO	08/08/89		8	Tam
54	07151077	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	25/08/88		8	Tam
55	07151028	BÙI TRẦN MINH	TIẾN	19/10/88		8	Tam
56	07151078	DUY NGỌC	TIẾN	09/12/88		8	Tam
57	07151079	NGUYỄN TĂNG	TIẾN	05/12/88		9	Chín
58	07151029	VĂN CÔNG	TÍNH	16/02/89		8	Tam
59	07151030	LÊ TRẦN BÁ	TÍNH	01/01/89		8	Tam
60	07151031	TRẦN VĂN	TÍNH	20/12/88		7	Bay
61	07151080	HOÀNG NGỌC HÀ	TRANG	20/09/89		8	Tam
62	07151081	LÊ THỊ	TRANG	27/05/89		9	Chín
63	07151032	NGÔ THUY	TRANG	28/05/89		✓	
64	07151082	NGUYỄN THỊ KHÁNH	TRÂM	10/10/89		7	Bay
65	07151033	LÊ HỮU	TRỌNG	01/11/89		6	Sau
66	07151034	NGUYỄN MANH	TUÂN	14/09/87		7	Bay
67	07151035	PHAN VĂN	TUÂN	03/10/87		8	Tam
68	07151083	TƯỚNG THANH	TÙNG	02/10/89		9	Chín
69	07151036	NGUYỄN MINH	TUYẾN	01/01/89		9	Chín
70	07151084	TRẦN HỒ MINH	TƯỜNG	28/04/89		8	Tam
71	07151085	HUYNH VĂN	ÚT	06/11/88		8	Tam
72	07151037	TỔNG THỊ HỒNG	VÂN	02/04/88		7	Bay
73	07151038	HỒ DUY	VŨ	26/06/88		8	Tam
74	07151086	CHUNG LỢI TIỂU SƠN	VƯƠNG	02/10/85		7	Bay

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07DC (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07151087	NGUYỄN THỊ THU	XA	10/08/89		7	bay

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 71 Số bài: 71 Sở từ: 71

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

26/6/2008

Lê Thị Kim Hoa



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi: Lớp DH07HH (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07139003	NGUYỄN BÍCH	ANH	12/06/89		8	Tau!
2	07139007	TRẦN TUẤN	ANH	04/03/89		8	Tau!
3	07139008	LÊ ĐỨC	ÂN	15/05/89		8	Tau!
4	07139012	NGUYỄN HOÀNG	BẢO	26/07/89		6	Sau!
5	07139014	PHÔNG THIẾU	BĂNG	15/02/89		6	Sau!
6	07139020	NGUYỄN VĂN	BÌNH	08/04/89		7	Bảy
7	07139025	LÊ THỊ NGỌC	CHÂU	04/07/88		6	Sau!
8	07139027	NGUYỄN HỮU	CHUNG	15/08/88		7	Bảy
9	07139040	PHẠM ÁNH	DUYẾN	04/01/88		8	Tau!
10	07139042	NGUYỄN VĂN	DỰ	24/12/89		6	Sau!
11	07139050	TRẦN THỊ THÚY	ĐƠN	06/10/89		7	Bảy
12	07139052	NGUYỄN CẢNH	ĐƯƠNG	13/08/89		Vắng	
13	07139054	PHẠM NHẬT MINH	GIANG	30/04/89		8	Tau!
14	07139057	VÕ ĐÀO THÚY	HÀ	28/02/89		8	Tau!
15	07139060	ĐÌNH VĂN	HẢI	02/05/88		8	Tau!
16	07139059	ĐOÀN THANH	HẢI	06/02/89		8	Tau!
17	07139063	NGUYỄN TOÀN	HÀNH	19/02/89		8	Tau!
18	07139070	NGUYỄN THANH	HIẾU	29/07/89		7	Bảy
19	07139073	NGUYỄN THANH	HOA	19/05/89		6	Sau!
20	07139074	HỒ THỊ KIM	HÒA	17/08/89		8	Chín!
21	07139090	VÕ HOÀNG	HÙNG	08/04/89		9	Chín!
22	07139094	PHẠM QUANG	KHÁI	23/01/89		7	Bảy
23	07139096	NGUYỄN ĐĂNG SONG	KHANG	17/01/89		8	Tau!
24	07139095	NGUYỄN MINH	KHANG	11/05/89		6	Sau!
25	07139105	ĐỖ CAO	KỶ	20/12/89		Vắng	
26	07139108	ĐĂNG NGỌC	LÃNH	05/10/89		7	Bảy
27	07139112	NGUYỄN PHƯỚC	LINH	03/06/89		6	Sau!
28	07139115	NGÔ YẾN	LOAN	11/01/89		8	Tau!
29	07139116	ĐỖ ĐẠI HOÀNG	LONG	22/01/89		Vắng	
30	07139121	PHẠM HỒNG	LUÂN	01/07/89		8	Tau!
31	07139123	LÊ THẮNG	LUYỆN	13/10/89		6	Sau!
32	07139126	HỒ THỊ GIANG	LY	25/01/89		7	Bảy
33	07139127	PHÙNG THỊ	LÝ	20/09/88		6	Sau!
34	07139133	NGUYỄN HỮU	MỪNG	16/02/88		8	Tau!
35	07139142	HUỲNH THỊ KIM	NGỌC	13/07/88		7	Bảy
36	07139150	HỒ XUÂN	NHẬT	04/02/89		Vắng	

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07HH (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07139153	NGUYỄN THỊ NHUNG	13/08/87		nhung	9	Chín
38	07139155	PHẠM THỊ XUÂN	NƯƠNG	06/10/89	Phạm	5	Năm
39	07139158	BÙI ĐỨC	PHÚ	13/09/89	Bùi	9	Chín
40	07139160	NGÔ THANH PHÚC	13/07/88		Ngô	6	Sáu
41	07139169	LÊ VĂN CHÁNH	QUY	08/02/88	Le	6	Sáu
42	07139176	TRẦN THANH SANG	25/09/89		Sang	7	Bảy
43	07139186	LÊ THỊ THANH TÂM	20/04/89		Thanh	7	Bảy
44	07139187	NGUYỄN DƯƠNG THANH TÂM	18/09/89		Lam	8	Tám
45	07139195	CHÂU THỊ PHƯƠNG THẢO	06/03/89		Chau	7	Bảy
46	07139194	VÕ NGUYỄN THẢO	22/08/89				
47	07139209	NGUYỄN THỊ KIM THOÁ	01/02/89		Kim	7	Bảy
48	07139212	LÊ MINH THUẬN	19/12/88		Minh	8	Tám
49	07139217	TÔNG THỊ THU THỦY	09/08/89		Thuy	7	Bảy
50	07139216	TRẦN THỊ THỦY	02/12/89		Tran	8	Tám
51	07139219	VÕ VĂN THỨA	03/01/89		Thua	7	Bảy
52	07139220	NGUYỄN TOÀN THỨC	20/12/89		Toan	8	Tám
53	07139223	NGUYỄN CÔNG TIẾN	06/10/89		Tien	6	Sáu
54	07139232	NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	08/02/89		Thanh	7	Bảy
55	07139233	HỒ NGỌC MỸ TRANG	21/12/88		My	7	Bảy
56	07139234	LÊ THỊ MỸ TRANG	25/07/89		My	8	Tám
57	07139274	NGUYỄN THỊ VIỆT	27/08/89		Vi	6	Sáu
58	07139286	HOÀNG HẢI YẾN	04/02/88		Yen	7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 58 Số bài: 58 Số tờ: 58

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Đinh Thị Hương

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hữu Đức

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

20/6/2008

Li Thị Kim Hoàn



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi: Lớp DH07QL (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07124002	LÊ THỊ KIM	ANH	20/06/88		7	Bảy
2	07124145	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ANH	/ / 87		9	Chín
3	07124003	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	21/07/88		6	Sáu
4	07124001	VÕ THỊ HỒNG	ANH	02/02/88		8	Tám
5	07124005	LÊ HẢI	BẶNG	02/05/88		8	Tám
6	07124007	NGUYỄN LÂM	BƯU	18/10/89		7	Bảy
7	07124008	PHẠM THỊ	CẦN	16/02/89		7	Bảy
8	07124009	NGUYỄN VĂN	CHÂU	18/10/89		7	Bảy
9	07124010	TRẦN NGỌC	CHINH	02/01/88		8	Tám
10	07124012	NGUYỄN VĂN TUẤN	CƯỜNG	02/10/85		7	Bảy
11	07124013	ĐOÀN VÕ HỒNG	DIỆM	07/08/89		8	Tám
12	07124014	PHAN THỊ NGỌC	DIỆM	01/08/89		8	Tám
13	07124015	PHẠM VĂN	DIỆN	15/03/79		6	Sáu
14	07124016	NGUYỄN THỊ THÚY	DUNG	26/04/89		8	Tám
15	07124017	NGUYỄN THANH	DUY	04/10/85		4	Bốn
16	07124018	NGUYỄN THỊ CẨM	DƯƠNG	13/10/89		9	Chín
17	07124019	ĐỖ VĂN	ĐẠI	08/11/88		8	Tám
18	07124020	ĐOÀN THỊ HỒNG	ĐÀO	20/10/89		8	Tám
19	07124021	VÕ THÁNH	ĐĂNG	08/11/86		8	Tám
20	07114074	TRẦN VĂN	ĐỆ	/ / 88		8	Tám
21	07124022	PHÙNG BÁ	ĐỒNG	01/04/89		8	Tám
22	07124023	BÙI TẤN	GIANG	01/05/89		8	Tám
23	07124024	HỒ THANH	HÀ	01/01/89		8	Tám
24	07124025	NGUYỄN VIỆT	HÀ	02/10/89		7	Bảy
25	07124026	NGUYỄN VIỆT	HÀ	01/01/88		7	Bảy
26	07124027	PHAN NGUYỄN HOÀNG	HÀI	05/12/89		8	Tám
27	07124028	NGUYỄN NGỌC	HẠNH	29/06/87		7	Bảy
28	07124029	TRẦN THỊ THÚY	HẶNG	01/01/89		8	Tám
29	07124030	HUYỀN THÚY MINH	HIỀN	20/05/89		7	Bảy
30	07124032	VŨ THỊ THU	HIỀN	22/07/89		8	Tám
31	07124033	TRẦN ĐOÀN	HIỆP	15/06/88		8	Tám
32	07124034	PHẠM THỊ	HIỂU	10/04/89		7	Bảy
33	07124035	VÕ THỊ	HÒA	30/04/89		7	Bảy
34	07124036	NGUYỄN CÔNG	HOÀNG	29/09/88		6	Sáu
35	07124037	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	11/02/89		8	Tám
36	07124039	ĐỖ VÕ THỊ	HUỆ	16/08/88		8	Tám

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07QL (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SỐ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07124038	TRẦN KIM	HUỆ	06/12/89		8	Tam
38	07124040	NGÔ TIẾN	HÙNG	20/11/88		7	Bảy
39	07124041	HOÀNG XUÂN	HƯNG	19/08/89		8	Tam
40	07124043	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	16/03/89		8	Tam
41	07124044	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	15/01/89		8	Tam
42	07124146	LƯU ANH	KHÍCH	27/05/88		9	Chín
43	07124047	MAI VĂN	KHOA	14/11/87		8	Tam
44	07124048	VÕ MẠNH	KHUYẾN	27/07/88		8	Tam
45	07124049	NGUYỄN THỊ DIỆM	KIỀU	07/03/88		9	Chín
46	07124050	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	20/02/89		7	Bảy
47	07124051	DƯƠNG THỊ HỒNG	LAM	15/08/88		7	Bảy
48	07124053	LÊ ĐĂNG VĨNH	LAN	09/06/89		8	Tam
49	07124052	VĂN THANH	LAN	10/09/89		8	Tam
50	07124054	NGUYỄN HỒNG	LANH	17/09/89		8	Tam
51	07124055	NGÔ MINH	LÂM	13/09/89		6	Sáu
52	07124058	NGUYỄN ĐỨC	LÊN	20/04/88		7	Bảy
53	07124059	NGUYỄN THỊ	LIÊU	09/10/89		8	Tam
54	07124060	PHẠM THỊ MỸ	LINH	16/09/89		7	Bảy
55	07124061	TRẦN THỊ CẨM	LOAN	16/08/88		8	Tam
56	07124062	PHẠM PHI	LONG	16/03/88		8	Tam
57	07124063	PHẠM PHI	LONG	30/01/88		8	Tam
58	07124064	PHẠM THIÊN	LONG	09/05/88		6	Sáu
59	07124066	NGUYỄN THỊ MINH	LUYẾN	12/02/89		7	Bảy
60	07124067	HỒ SỸ	LỤC	15/05/89		7	Bảy
61	07124068	ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH	LY	10/02/89		7	Bảy
62	07124070	TRẦN THỊ ÁI	MÃN	01/03/89		8	Tam
63	07124071	LA CÔNG	MINH	06/09/88		7	Bảy
64	07124073	TRẦN QUANG	NAM	27/11/87		8	Tam
65	07124072	TRƯƠNG CÔNG	NAM	20/02/88		6	Sáu
66	07124074	NGUYỄN XUÂN	NĂM	10/06/89		8	Tam
67	07124077	ĐẶNG THỊ	NGÂN	14/05/89		8	Tam
68	07124075	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	23/06/88		8	Tam
69	07124078	TRẦN THU	NGÂN	16/04/89		8	Tam
70	07124076	VÕ THỊ KIM	NGÂN	25/06/89		8	Tam
71	07124079	PHẠM HỮU	NGHĨA	27/07/87		8	Tam
72	07124081	NGÔ THỊ HỒNG	NHUNG	03/10/88		8	Tam
73	07124083	LÂM THỊ HUYỀN	NHƯ	02/09/89		8	Tam
74	07124085	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	10/06/89		8	Tam

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07QL (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07124147	HUYỀN KIM	PHÁT	19/09/88		7	Bảy
76	07124086	HỒ NGỌC HOÀNG	PHI	28/06/88		8	Tám
77	07124088	ĐÌNH HOÀNG	PHONG	28/05/89		7	Bảy
78	07124087	TRƯƠNG HOÀI	PHONG	19/05/89		8	Tám
79	07124089	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚ	15/12/85		7	Bảy
80	07124091	CAO DUY	PHƯƠNG	23/07/88		7	Bảy
81	07124092	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	06/08/89		5	Năm
82	07124094	LÊ THỊ KIM	PHƯƠNG	22/12/89		8	Tám
83	07124095	NGUYỄN HỒNG	QUÍ	06/11/89		8	Tám
84	07124097	NGUYỄN THỊ	QUÝ	02/11/89		7	Bảy
85	06124101	TRẦN THỊ	SÁU	25/05/88			
86	07124098	LÊ DUY	SON	27/07/89		7	Bảy
87	07124099	TRẦN THANH	SON	08/11/87		7	Bảy
88	07124101	PHẠM MINH	TÀI	21/07/88		8	Tám
89	07124103	BÙI NHỰT	TÂN	02/11/88		8	Tám
90	07124104	NGUYỄN VĂN	TÂY	16/02/88		7	Bảy
91	07124105	NGUYỄN THỊ	THANH	09/03/88		8	Tám
92	07124106	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	16/06/88		8	Tám
93	07124107	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	23/07/89		8	Tám
94	07124108	LẠI THU	THẢO	20/05/89		9	Chín
95	07124109	DƯƠNG VĂN	THẦU	14/06/87		9	Chín
96	07124110	NGUYỄN THỊ	THÊM	02/01/88		8	Tám
97	07124112	BÙI LƯƠNG MAI	THỊ	15/12/89		8	Tám
98	07124111	VÕ THỊ KIM	THỊ	20/04/89		8	Tám
99	07124113	NGÔ THỊ NGỌC	THƠ	20/07/89		8	Tám
100	07124114	TRẦN ĐÌNH	THỦ	21/11/89		8	Tám
101	07124115	LÊ ĐĂNG	THUẬN	04/06/89		8	Tám
102	07124116	LÊ KHIÊM	THUẬN	24/10/89		8	Tám
103	07124117	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	20/07/88		8	Tám
104	07124118	GIAO KHẢ	THÚY	29/10/89		8	Tám
105	07124119	TRẦN THỊ CẨM	THÚY	25/07/88		8	Tám
106	07124120	NGUYỄN TRẦN YẾN	THY	05/01/88		7	Bảy
107	07124121	BẾ VIỆT	TIẾN	23/01/83		7	Bảy
108	07124122	TRẦN TRUNG	TÍN	06/12/89		7	Bảy
109	07124123	LÊ PHÚ	TOÀN	22/10/89		7	Bảy
110	07124124	PHAN THÁI	TOÀN	/ /88		7	Bảy
111	07124126	NGUYỄN VĂN	TRÀ	06/12/87		7	Bảy
112	07124127	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	09/08/89		8	Tám

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07QL (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
113	07124129	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	16/10/89			
114	07124131	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	29/09/89		7	Bảy
115	07124132	LÊ MINH	TRÍ	29/04/89		7	Bảy
116	07124133	VÕ THỊ MỸ	TRINH	08/05/88		7	Bảy
117	07124134	LÊ HỮU	TRONG	14/03/89		7	Bảy
118	07124136	NGUYỄN MINH	TRUNG	12/12/89		7	Bảy
119	07124138	TRẦN VĂN	TRUNG	15/09/89		8	Tám
120	07124139	VÕ TRẦN TRONG	TUẤN	31/05/89		7	Bảy
121	07124141	TRƯƠNG KHẮC	VĂN	10/10/86		8	Tám
122	07124142	CA HOÀNG	VIỆT	05/11/89		7	Bảy
123	07124143	TRẦN NGỌC	Ỡ	10/12/89		8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 120 Số bài: 120 Số tờ: 120

Ngày 7 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Thị Bích Thủy Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thị Đan

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

20/6/2008

Nguyễn Thị Kim Hoa

Lê Thị Kim Hoa



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07NY (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi 08/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07141020	TRƯƠNG NGỌC ANH	29/04/89			6	Sau
2	07141021	VŨ THỊ VÂN ANH	04/07/89				
3	07141022	PHẠM NGỌC AN	02/01/89			6	Sau
4	07141023	VƯƠNG QUỐC BẢO	30/09/89			6	Sau
5	07141028	BÙI THỊ KIM CƯƠNG	26/04/88			6	Sau
6	07141034	LÊ HỒNG DUYỄN	25/10/88			6	Sau
7	07141001	BÙI CHÍ ĐÔNG	14/10/89			6	Sau
8	07141035	MAI FILLE	22/01/88			7	Bây
9	07141036	PHAN HỒNG GÃM	/ /88			6	Sau
10	07141037	NGUYỄN THANH GIÀU	07/01/89			7	Bây
11	07141002	NGUYỄN CHỈ HẢI	13/06/88				
12	07141038	NGUYỄN TẤN THUẬN	20/02/89				
13	07141042	LÊ TRỌNG HIẾU	20/05/88			7	Bây
14	07141044	NGUYỄN THỊ XUÂN HIẾU	19/10/89			7	Bây
15	07141045	TRỊNH XUÂN HIẾU	31/03/89			6	Sau
16	07141049	NGUYỄN MINH HƯNG	28/08/89			5	Năm
17	07141052	NGHIÊM HÀ NGUYỄN KHOA	04/06/89			6	Sau
18	07141053	NGUYỄN TUẤN KIẾT	06/05/89			7	Bây
19	07141004	NGUYỄN THỊ HỒNG LÊ	18/06/89			6	Sau
20	07141056	NGUYỄN PHẠM YẾN LINH	18/08/89			7	Bây
21	07141111	VŨ NGỌC LINH	08/07/89			8	Tam
22	07141058	LÊ THỊ KIM LỘC	02/10/89				
23	07141005	HOÀNG THỊ LƯỢT	01/05/89			7	Bây
24	07141060	TRẦN MINH MÃN	/ /89			8	Tam
25	07141120	PHẠM KIM NGÂN	25/01/89				
26	07141063	TRỊNH HỒNG NGỌC	06/08/89				
27	07141064	PHAN TRỌNG NGUYỄN	/ /87			7	Bây
28	07141008	TRẦN KHÔI NGUYỄN	11/04/88			7	Bây
29	07141068	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	10/09/88			8	Tam
30	07141069	HỒ THỊ MỸ NƯƠNG	10/05/89			8	Tam
31	07141070	NGUYỄN DIỆU OANH	08/08/87				
32	07141009	NGUYỄN MINH OANH	22/03/88			6	Sau
33	07141072	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	16/10/85			5	Năm
34	07141073	TRẦN HOÀNG PHÚC	13/12/89			5	Năm
35	07141011	TRẦN VĂN PHƯỚC	22/04/85			8	Tam
36	07141077	VŨ THỊ NGỌC QUYẾN	30/04/89			7	Bây

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Dân số học (02603) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Lớp DH07NY (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07141078	LÊ HẢI	QUYNH	25/04/89		7	Bảy
38	07141081	NGUYỄN TẤN	TÀI	30/10/88		7	Bảy
39	07141082	TRẦN THỊ NGỌC	THACH	10/04/88		6	Sáu
40	07141085	LƯƠNG VĂN	THÂN	10/03/87		6	Sáu
41	07141086	NGUYỄN XUÂN TRUNG	THU	14/09/89		6	Sáu
42	07141013	NGUYỄN NỮ TRANG	THỦY	02/12/89		6	Sáu
43	07141089	NGÔ THỊ HỒNG	THƯƠNG	04/12/88		6	Sáu
44	07141091	TRẦN THANH	TOÀN	15/10/89		7	Bảy
45	07141092	LÊ HUYỀN	TRANG	29/09/87		6	Sáu
46	07141093	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	28/08/89		7	Bảy
47	07162027	ĐẶNG LÊ BẢO	TRÂM	30/08/89		7	Bảy
48	07141098	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	03/06/89		6	Sáu
49	07141097	VÕ MINH	TRUNG	11/04/86		5	Năm
50	07141100	ĐỖ NGỌC	TUẤN	02/07/88		6	Sáu
51	07141014	NGUYỄN SON	TÙNG	17/02/89		5	Năm
52	07141015	TRANG NGỌC THANH	TÙNG	11/03/89		6	Sáu
53	07141104	TRẦN NGUYỄN KIM	TUYẾN	28/08/89		7	Bảy
54	07141016	NGUYỄN THẢO	UYÊN	16/07/89		7	Bảy
55	07141105	NGUYỄN THỊ	UYÊN	10/05/89		8	Tám
56	07141017	NGÔ THỊ THU	VÂN	01/05/89		8	Tám
57	07141106	DIỆP QUỐC	VIỆT	13/01/89		7	Bảy
58	07141110	NGUYỄN VĂN	VŨ	20/11/89		5	Năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 50 Số bài: 50 Số tờ: 50

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1
Trần Thị Kim Hoa

Cán bộ coi thi 2
Trần Hải Nam

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

20/6/2008

Lê Thị Kim Hoa